

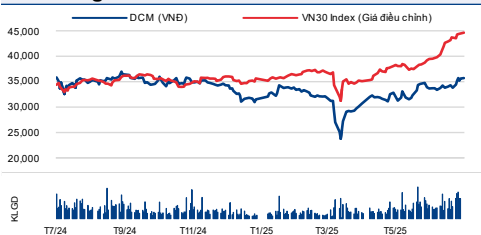
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ38,200
Tiềm năng tăng/giảm: 7.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (28/7/2025)	35,700
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	23,801-36,977
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	35,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	18,900
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	723
Sig CP lưu hành (tr.đv)	529
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Sig CP NN được mua (tr.đv)	233
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.97%
Tỷ lệ freefloat	24.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	13,456	14,273	13,873
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,287	1,759	1,783
LNTT (tỷ đồng)	1,324	1,657	1,665
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,222	1,474	1,481
FCF (tỷ đồng)	(714)	1,073	1,605
EPS ĐC (đồng)	2,308	2,785	2,797
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,000
BVPS (đồng)	19,162	20,169	21,686
T.trưởng EBITDA (%)	(28.0)	36.6	1.36
T.trưởng EPS ĐC (%)	10.2	20.7	0.44
Tăng trưởng DPS (%)	0	(25.0)	(33.3)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.57	12.3	12.9
Tỷ suất LNTT (%)	9.84	11.6	12.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.08	10.3	10.7
Tỷ lệ LN trả CT (%)	86.6	53.9	35.7
Nợ thuần/VCSH (%)	(3.17)	1.93	(3.07)
ROAE (%)	12.2	14.2	13.4
ROACE (%)	9.36	12.0	11.5
EV/doanh thu (lần)	0.84	0.79	0.72
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.81	6.41	5.58
P/E ĐC (lần)	15.5	12.8	12.8
P/B (lần)	1.86	1.77	1.65
Lợi suất cổ tức (%)	5.60	4.20	2.80

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2025: Lợi nhuận tăng 42% – vượt mạnh dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2025 tăng mạnh 42% so với cùng kỳ đạt 805 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện nhờ chi phí khí đầu vào giảm và giá bán bình quân tăng trên tất cả các mảng sản phẩm. Kết quả này vượt 30% so với dự báo của HSC.
- Tính chung nửa đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 1.216 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ, trên doanh thu thuần 9.444 tỷ đồng, tăng 42,9% so với cùng kỳ. Các kết quả này lần lượt đạt 83% và 66% dự báo cả năm 2025 của chúng tôi. Chúng tôi hiện đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 16% trong 3 tháng qua, DCM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,4 lần, cao hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 8,8 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 38.200đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

DCM công bố KQKD Q2/2025 tích cực với lợi nhuận thuần đạt 805 tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 6.037 tỷ đồng (tăng 56,3% so với cùng kỳ). Doanh thu thuần tăng chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ chốt tăng mạnh, bao gồm: urê (tăng 28,6% so với cùng kỳ), NPK (tăng 68,1%) và phân bón nhập khẩu (tăng 139%). Tăng trưởng lợi nhuận được hỗ trợ bởi việc tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 19,9%, so với 15,8% trong Q2/2024.

Nếu không tính đến khoản lợi nhuận không thường xuyên 168 tỷ đồng ghi nhận trong Q2/2024 từ thương vụ mua lại công ty con KVF với mức giá thuận lợi, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi trong Q2/2025 của DCM tăng 105% so với cùng kỳ và vượt 30% so với dự báo của HSC, chủ yếu nhờ doanh thu NPK cao hơn kỳ vọng.

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 9.444 tỷ đồng (tăng 42,9% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 1.216 tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ). Nếu không tính đến khoản lợi nhuận không thường xuyên trong Q2/2024, lợi nhuận HĐKD cốt lõi trong nửa đầu năm 2025 tăng 65% so với cùng kỳ. KQKD này đạt 66% dự báo doanh thu và 83% dự báo lợi nhuận thuần cả năm 2025 của HSC.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025 và 6 tháng đầu năm 2025, DCM

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	3,863	6,037	56.3%	6,607	9,444	42.9%
Giá vốn hàng bán	(3,253)	(4,835)	48.6%	(5,288)	(7,357)	39.1%
Lợi nhuận gộp	610	1,202	97.0%	1,320	2,087	58.2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15.8%	19.9%	172.4%	20.0%	22.1%	135.5%
Lợi nhuận HĐ tài chính	104	92	-11.6%	221	170	-23.3%
Chi phí QL&BH	(292)	(401)	37.7%	(744)	(913)	22.7%
Chi phí QL&BH/Doanh thu	7.5%	6.7%		11.3%	9.7%	
Lợi nhuận khác	176	15	-91.4%	184	17	-90.7%
LNTT	598	907	51.7%	981	1,361	38.8%
Lợi nhuận thuần	569	805	41.5%	915	1,216	33.0%

Nguồn: DCM

Doanh thu của các mảng chủ chốt đều tăng trưởng

Trong Q2/2025:

- Doanh thu urê tăng 28,6% so với cùng kỳ đạt 2.430 tỷ đồng nhờ xuất khẩu tăng mạnh 107% so với cùng kỳ đạt 742 tỷ đồng và doanh thu nội địa tăng 15% so với cùng kỳ đạt 1.687 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ urê đạt 224.410 tấn, tăng 17% so với cùng kỳ, trong khi giá bán bình quân tăng 9,8% so với cùng kỳ lên 10.800đ/kg.
- Doanh thu NPK tăng 68% so với cùng kỳ đạt 1.752 tỷ đồng, được hỗ trợ bởi sản lượng tiêu thụ tăng 58% so với cùng kỳ đạt 144.344 tấn trong khi giá bán bình quân gần như đi ngang ở mức 11.500đ/kg.
- Doanh thu phân bón nhập khẩu tăng mạnh 139% so với cùng kỳ đạt 1.559 tỷ đồng, nhờ sản lượng tăng 86% so với cùng kỳ và giá bán bình quân tăng 28% so với cùng kỳ.

Trong nửa đầu năm 2025:

- Doanh thu urê tăng 13,9% so với cùng kỳ đạt 4.869 tỷ đồng, chủ yếu nhờ giá bán bình quân tăng 12,8% trong khi sản lượng tiêu thụ gần như đi ngang.
- Doanh thu NPK tăng mạnh 106% so với cùng kỳ đạt 2.273 tỷ đồng, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng gấp đôi trong khi giá bán bình quân chỉ tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ.
- Doanh thu phân bón nhập khẩu tăng 153% so với cùng kỳ đạt 1.974 tỷ đồng, được hỗ trợ bởi sản lượng tiêu thụ tăng 94% so với cùng kỳ và giá bán bình quân tăng 30% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận cải thiện trên tất cả các mảng sản phẩm

Lợi nhuận gộp trong Q2/2025 gần như tăng gấp đôi đạt 1.202 tỷ đồng, tương ứng tỷ suất lợi nhuận gộp chung đạt 19,9%, so với mức 15,8% trong Q2/2024.

Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng urê tăng lên mức 35,1% so với 28,1% trong Q2/2024, chủ yếu nhờ giá khí đầu vào giảm (HSC ước tính giảm 16,5% so với cùng kỳ), được hỗ trợ bởi giá dầu Brent và dầu nhiên liệu giảm lần lượt 21% và 14% so với cùng kỳ. Trong khi đó, giá bán bình quân urê tăng 9,8% so với cùng kỳ và tỷ trọng đóng góp từ phân khúc urê xuất khẩu cũng tăng lên mức 30,5% (so với 19% trong Q2/2024), giúp cải thiện tỷ suất lợi nhuận vì urê xuất khẩu thường có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn.

Tỷ suất lợi nhuận gộp mảng NPK cải thiện lên mức 18,1%, từ 7,7% trong Q2/2024, chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng mạnh (tăng 58,2% so với cùng kỳ), giúp chi phí khấu hao trên mỗi đơn vị sản phẩm giảm.

Tính chung nửa đầu năm 2025, tỷ suất lợi nhuận gộp tổng hợp đạt 22,1%, so với mức 20% trong nửa đầu năm 2024, nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tăng ở tất cả các mảng sản phẩm chủ chốt.

Xem xét lại dự báo

KQKD Q2/2025 của DCM rất tích cực và vượt 30% so với dự báo của HSC, chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ NPK đạt 144.344 tấn, cao gấp 2,5 lần so với dự báo của chúng tôi. Theo đó, HSC đang xem xét lại các dự báo của mình.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 6% trong 1 tháng qua và tăng 16% trong 3 tháng qua, DCM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,4 lần (theo ước tính hiện tại của HSC), cao hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân ở mức 8,8 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 38.200đ.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q2/2025 & 6 tháng đầu năm 2025, DCM

	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ
Sản lượng tiêu thụ (tấn)						
Urê	191,590	224,410	17.1%	453,450	458,050	1.0%
NPK	91,229	144,344	58.2%	96,739	193,431	100.0%
Thương mại	81,400	151,650	86.3%	95,640	185,890	94.4%
Giá bán bình quân (VND/kg)						
Urê	9.9	10.8	9.8%	9.4	10.6	12.8%
NPK	11.4	11.5	0.7%	11.4	11.7	3.0%
Thương mại	8.0	10.3	28.3%	8.2	10.6	29.9%

Nguồn: DCM, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	12,571	13,456	14,273	13,873	14,212
Lợi nhuận gộp	2,032	2,513	2,931	2,898	2,900
Chi phí BH&QL	(1,349)	(1,495)	(1,581)	(1,532)	(1,565)
Thu nhập khác	22.5	1.12	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	705	1,019	1,350	1,366	1,335
Lãi vay thuần	550	305	307	299	306
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,255	1,324	1,657	1,665	1,641
Chi phí thuế TNDN	(145)	(94.1)	(174)	(175)	(172)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.25)	(8.35)	(8.90)	(8.94)	(8.81)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,109	1,222	1,474	1,481	1,460
Lợi nhuận thuần ĐC	1,109	1,222	1,474	1,481	1,460
EBITDA ĐC	1,788	1,287	1,759	1,783	1,762
EPS (đồng)	2,095	2,308	2,785	2,797	2,758
EPS ĐC (đồng)	2,095	2,308	2,785	2,797	2,758
DPS (đồng)	2,000	2,000	1,500	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,284	1,903	846	1,410	1,682
Đầu tư ngắn hạn	8,242	7,039	7,743	8,517	9,369
Phải thu khách hàng	366	529	423	489	530
Hàng tồn kho	2,161	2,950	2,754	2,476	2,216
Các tài sản ngắn hạn khác	452	500	414	457	467
Tổng tài sản ngắn hạn	13,504	12,921	12,180	13,349	14,263
TSCĐ hữu hình	1,338	2,172	2,018	1,860	1,698
TSCĐ vô hình	350	364	362	360	356
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	45.1	272	184	132	169
Tổng tài sản dài hạn	1,733	2,808	2,564	2,352	2,223
Tổng cộng tài sản	15,238	15,729	14,744	15,701	16,486
Nợ ngắn hạn	846	1,229	929	929	929
Phải trả người bán	1,989	1,612	1,295	1,435	1,375
Nợ ngắn hạn khác	1,585	1,556	873	831	852
Tổng nợ ngắn hạn	4,517	4,681	3,280	3,395	3,385
Nợ dài hạn	2.96	120	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	754	751	746	775	776
Tổng nợ dài hạn	757	871	746	775	776
Tổng nợ phải trả	5,275	5,552	4,025	4,170	4,161
Vốn chủ sở hữu	9,936	10,144	10,677	11,481	12,265
Lợi ích cổ đông thiểu số	27.6	32.8	41.7	50.6	59.4
Tổng vốn chủ sở hữu	9,963	10,177	10,719	11,531	12,325
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,238	15,729	14,744	15,701	16,486
BVPS (đ)	18,768	19,162	20,169	21,686	23,168
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(1,436)	(554)	83.5	(481)	(753)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	705	1,019	1,350	1,366	1,335
Khấu hao	(1,083)	(268)	(409)	(417)	(427)
Lãi vay thuần	550	305	307	299	306
Thuế TNDN đã nộp	(145)	(94.1)	(174)	(175)	(172)
Thay đổi vốn lưu động	963	(912)	(105)	366	164
Khác	(844)	(509)	(461)	(411)	(388)
LCT thuần từ HKKD	2,313	77.5	1,326	1,861	1,671
Đầu tư TS dài hạn	(544)	(791)	(253)	(256)	(260)
Góp vốn & đầu tư	(13,920)	(14,041)	(704)	(774)	(852)
Thanh lý	0	4.09	0	0	0
Khác	11,021	14,786	389	378	387
LCT thuần từ HĐĐT	(3,443)	(41.6)	(568)	(653)	(725)
Cổ tức trả cho CSH	(1,590)	(1,059)	(794)	(529)	(529)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	836	437	(1,021)	(115)	(145)
Khác	0	(2.91)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(754)	(625)	(1,815)	(644)	(674)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,126	2,284	1,903	846	1,410
LCT thuần trong kỳ	(1,884)	(589)	(1,057)	564	272
Ảnh hưởng của tỷ giá	2,043	208	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,284	1,903	846	1,410	1,682
Dòng tiền tự do	1,769	(714)	1,073	1,605	1,411

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	16.2	18.7	20.5	20.9	20.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.2	9.57	12.3	12.9	12.4
Tỷ suất LNT (%)	8.82	9.08	10.3	10.7	10.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.5	7.10	10.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	(21.1)	7.04	6.08	(2.81)	2.44
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(68.9)	(28.0)	36.6	1.36	(1.16)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(74.3)	10.2	20.7	0.44	(1.41)
Tăng trưởng EPS (%)	(74.3)	10.2	20.7	0.44	(1.41)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(74.3)	10.2	20.7	0.44	(1.41)
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	(25.0)	(33.3)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	95.5	86.6	53.9	35.7	36.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	10.8	12.2	14.2	13.4	12.3
ROACE (%)	6.41	9.36	12.0	11.5	10.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.85	0.87	0.94	0.91	0.88
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	3.28	0.08	0.98	1.36	1.25
Số ngày tồn kho	74.8	98.4	88.6	82.4	71.5
Số ngày phải thu	12.7	17.6	13.6	16.2	17.1
Số ngày phải trả	68.9	53.8	41.7	47.7	44.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.2)	(3.17)	1.93	(3.07)	(4.78)
Nợ/tài sản (%)	5.72	10.1	7.14	6.74	6.65
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.49	1.23	0.60	0.59	0.62
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.99	2.76	3.71	3.93	4.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.74	0.84	0.79	0.72	0.62
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.17	8.81	6.41	5.58	5.02
P/E (lần)	17.0	15.5	12.8	12.8	12.9
P/E ĐC (lần)	17.0	15.5	12.8	12.8	12.9
P/B (lần)	1.90	1.86	1.77	1.65	1.54
Lợi suất cổ tức (%)	5.60	5.60	4.20	2.80	2.80

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn